

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT
BỆNH TẬT THÀNH PHỐ

Số: ~~4899~~/TTKSBT-SKCD-MT&BNN

Về việc thực hiện báo cáo công tác y tế trường học theo quy định của thông tư số 33/2021/TT-BYT

TRƯỞNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 753
ĐẾN Ngày: 09/12/2024
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

Kính gửi: - Cơ sở giáo dục đại học,
- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2024

Kg. Lê Nhuận PHỤ CHỈ ĐẠO
TTY tế thực hiện

[Signature]

Căn cứ: Thông tư số 33/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế về việc Quy định công tác y tế trường học trong cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; Công văn số 1660/UBND-VX ngày 20 tháng 5 năm 2022 của UBND Thành phố về việc triển khai thực hiện Thông tư số 33/2021/TT-BYT của Bộ Y tế; Công văn số 5478/SYT-NVY ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Sở Y tế về việc triển khai thực hiện Thông tư số 33/2021/TT-BYT của Bộ Y tế; Kế hoạch số 3075/KH-TTKSBT ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố về Kế hoạch Chương trình y tế trường học năm 2024,

Thực hiện quy định tại Thông tư số 33/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế về việc Quy định công tác y tế trường học trong cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp, theo đó mỗi cơ sở giáo dục thực hiện việc báo cáo công tác y tế trường học 01 lần/năm.

Để công tác thống kê đầy đủ và báo cáo đúng thời gian theo quy định của Thông tư số 33/2021/TT-BYT, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố đề nghị các cơ sở giáo dục thực hiện báo cáo công tác y tế trường học như sau:

- Biểu mẫu phụ lục số 02 của thông tư số 33/2021/TT-BYT (đính kèm).
- Nơi nhận báo cáo: Trung tâm Y tế quận/huyện/thành phố Thủ Đức, nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian nộp báo cáo: trước ngày 16/12/2024.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố đề nghị quý đơn vị thực hiện báo cáo đúng quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGD TTKSBT;
- Lưu: VT, Khoa SKCD-MT-BNN (4b)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Xuân Dân



PHỤ LỤC SỐ 02

MẪU BÁO CÁO CÔNG TÁC Y TẾ TRƯỜNG HỌC
(DÀNH CHO CƠ SỞ GIÁO DỤC)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
ĐƠN VỊ BÁO CÁOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO CÔNG TÁC Y TẾ TRƯỜNG HỌC

Năm 2024

(Thời gian chốt số liệu: Từ ngày 15/12 năm trước đến ngày 14/12 năm báo cáo)

Kính gửi: Trung tâm Y tế.....

I. Thông tin chung

- Tên cơ sở giáo dục:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Số Fax:
- E-mail: Web-site:
- Tổng số người học: Số nam Số nữ
- Số người học tiếp xúc trực tiếp với yếu tố có hại, nguy hiểm:
- Trong đó: Số nam Số nữ

II. Bảo đảm chăm sóc sức khỏe

1. Kế hoạch công tác y tế trường học hàng năm được phê duyệt: Có ☐ Không ☐
2. Nhân viên y tế trường học, trang thiết bị y tế thực hiện công tác y tế trường học:
 - 2.1. Tổng số nhân viên y tế: người, cụ thể:
 - Chuyên trách: người, Trình độ chuyên môn:
 - Kiêm nhiệm: người, Trình độ chuyên môn:
 - 2.2. Phòng riêng triển khai nhiệm vụ y tế trường học: Có ☐ Không ☐

- Trang thiết bị y tế tối thiểu: Có ☐ Không ☐

3. Kinh phí hoạt động công tác y tế trường học

3.1. Tổng số: trong đó:

- Từ Ngân sách Nhà nước:

- Trích lại từ Quỹ BHYT:

- Nguồn khác:

3.2. Tổng số tiền đã chi trong đó:

- Từ Ngân sách Nhà nước:

- Trích từ Quỹ BHYT:

- Nguồn khác:

4. Chăm sóc sức khỏe người học

4.1. Khám sức khỏe định kỳ và tham gia bảo hiểm y tế

- Số người học được khám sức khỏe định kỳ: người/Tổng số người học/năm.

- Tổng số người học tham gia BHYT: người/Tổng số người học/năm.

- Khám, điều trị các bệnh theo chuyên khoa:

TT	Chuyên khoa/ Nguy cơ sức khỏe	Tổng số khám	Tổng số mắc, phát hiện	Tổng số được điều trị
1.	Tim mạch			
2.	Hô hấp			
3.	Bệnh cơ xương khớp			
4.	Tâm thần - thần kinh			
...				
Cộng				

4.2. Sơ cứu, cấp cứu tai nạn thương tích

TT	Loại tai nạn thương tích	Tổng số mắc	Số xử trí, chuyển tuyến	
			Xử trí tại chỗ	Chuyển tuyến
1.	Tai nạn lao động			
2.	Trượt, ngã			
3.	Bỏng			

4.	Duối nước			
5.	Điện giật			
6.	Súc vật cắn			
7.	Ngộ độc			
8.	Cắt vào tay chân			
9.	Bị đánh			
10.	Tai nạn giao thông			
11.	Khác (ghi rõ)...			

4.3. Tình hình dịch, bệnh truyền nhiễm

TT	Tên dịch bệnh	Số mắc	Số tử vong	Ghi chú
1.	...			
2.	...			
3.	...			
Tổng cộng				

4.4. Truyền thông, giáo dục, tư vấn sức khỏe

TT	Nội dung	Hình thức truyền thông (trực tiếp/gián tiếp)	Số lượt truyền thông	Số lượt người học được truyền thông
1.	Phòng, chống tai nạn thương tích			
2.	Hoạt động thể lực, dinh dưỡng hợp lý, lối sống lành mạnh			
3.	Phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm			
4.	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm			
5.	Phòng, chống bệnh lây truyền qua đường tình dục, phòng, chống HIV/AIDS			
6.	Phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia, ma túy, các chất gây nghiện khác			
7.	Khác (ghi rõ) ...			

4.5. Triển khai các chương trình y tế và phong trào vệ sinh phòng bệnh

TT	Nội dung	Có	Không	Ghi chú
1.	Phòng chống dịch, bệnh truyền nhiễm			
2.	Phòng chống ngộ độc thực phẩm			
3.	Hoạt động thể lực nâng cao sức khỏe			

4.	Phòng chống tác hại thuốc lá			
5.	Phòng chống tác hại rượu bia và các chất gây nghiện khác			
6.	Phòng, chống HIV/AIDS			
7.	Sức khỏe sinh sản; sức khỏe tình dục, giới tính			
8.	Phòng chống tai nạn thương tích			
9.				

III. Kết quả tự kiểm tra về bảo đảm vệ sinh trường học

TT	Nội dung	Đạt	Không đạt	Ghi chú
I. Tại cơ sở giáo dục				
1.	Điều kiện về phòng học			
2.	Điều kiện về mức chiếu sáng			
3.	Điều kiện về các yếu tố có hại tại phòng thí nghiệm, thực nghiệm, khu, xưởng thực hành* (áp dụng đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có yếu tố có hại ảnh hưởng đến sức khỏe người học, giáo viên) - Tiếng ồn; - Vi khí hậu; - Khác (ghi rõ)...			
4.	Điều kiện về chất lượng nước uống			
5.	Điều kiện về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt			
6.	Điều kiện về nhà tiêu			
7.	Điều kiện về phân loại, thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt			
II. Tại ký túc xá, nơi ở nội trú, bán trú cho người học				
8.	Điều kiện vệ sinh chung			
9.	Điều kiện về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt			
10.	Điều kiện về nhà tiêu			
11.	Điều kiện về phân loại, thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt			

* Yếu tố có hại: tiếng ồn, vi khí hậu... (liệt kê theo kết quả quan trắc môi trường lao động của cơ quan/đơn vị có thẩm quyền).

IV. Kết quả tự kiểm tra an toàn thực phẩm

TT	Nội dung	Đạt/Có	Không đạt /Không có	Ghi chú
1.	Quy trình sản xuất thực phẩm được bố trí theo nguyên tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào cho đến sản phẩm cuối cùng			
2.	Tường, trần, nền nhà khu vực nhà ăn, bếp ăn không thấm nước, rạn nứt, ẩm mốc			
3.	Dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn uống được làm bằng vật liệu dễ làm vệ sinh và không thôi nhiễm yếu tố độc hại			
4.	Nhân viên trực tiếp làm tại nhà ăn, bếp ăn có đủ trang bị bảo hộ lao động			
5.	Nhà ăn, bếp ăn thông thoáng, đủ ánh sáng, cửa sổ có lưới chống chuột, ruồi nhặng, côn trùng			
6.	Kiểm tra an toàn thực phẩm hằng ngày			
7.	Có lưu mẫu thức ăn theo quy định			
8.	Nhân viên nhà ăn, bếp ăn được tập huấn về an toàn thực phẩm			
9.	Nhân viên nhà ăn, bếp ăn được khám sức khỏe định kỳ			
10.	Nhân viên trực tiếp làm tại nhà ăn, bếp ăn được xác nhận và không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp khi đang sản xuất, kinh doanh thực phẩm.			
11.	Ký hợp đồng với các cơ sở có giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm để cung cấp suất ăn sẵn hoặc tổ chức nhà ăn, bếp ăn tại cơ sở giáo dục (trường hợp cơ sở giáo dục không tổ chức tự nấu ăn nội trú, bán trú)			

V. Nhận xét, kiến nghị về công tác y tế trường học

1. Tồn tại, nguyên nhân:

.....

2. Giải pháp khắc phục:

.....

3. Kiến nghị, đề xuất:

.....

TM. Ban Giám hiệu/Giám đốc/...
(Ký tên, đóng dấu)

Người lập báo cáo
(Ký, ghi họ và tên)